



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

3600642822

ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 18 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Phan Trọng Chinh	Tổng Giám đốc (từ ngày 17 tháng 1 năm 2022)
Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc (đến ngày 17 tháng 1 năm 2022)
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc phụ trách công nghệ và sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc chất lượng

**Trụ sở đăng ký**

Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn  
Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

### **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Trọng Chinh  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 8 tháng 3 năm 2022





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00329-22-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>405.908.491.608</b>	<b>388.752.612.343</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>41.410.827.367</b>	<b>39.563.916.661</b>
Tiền	111		8.410.827.367	14.563.916.661
Các khoản tương đương tiền	112		33.000.000.000	25.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>94.975.000.000</b>	<b>85.300.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	94.975.000.000	85.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>67.305.897.437</b>	<b>63.201.499.922</b>
Phải thu của khách hàng	131	7	64.703.359.421	58.608.876.742
Trả trước cho người bán	132		126.276.143	2.192.188.589
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.476.261.873	2.400.434.591
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>201.792.623.838</b>	<b>198.920.247.289</b>
Hàng tồn kho	141		201.792.623.838	198.920.247.289
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>424.142.966</b>	<b>1.766.948.471</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		101.929.002	1.631.703.671
Thuế phải thu Nhà nước	153		322.213.964	135.244.800

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>298.601.375.021</b>	<b>306.888.358.060</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>245.578.702.273</b>	<b>249.793.492.269</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	245.161.160.588	249.312.450.592
<i>Nguyên giá</i>	222		400.291.860.371	385.117.730.348
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(155.130.699.783)	(135.805.279.756)
Tài sản cố định vô hình	227	11	417.541.685	481.041.677
<i>Nguyên giá</i>	228		549.000.000	549.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(131.458.315)	(67.958.323)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>12</b>	<b>8.939.240.067</b>	<b>10.519.652.511</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		34.505.676.919	34.505.676.919
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(25.566.436.852)	(23.986.024.408)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>206.605.000</b>	<b>727.469.940</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	206.605.000	727.469.940
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>43.876.827.681</b>	<b>45.847.743.340</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	43.876.827.681	45.847.743.340
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>704.509.866.629</b>	<b>695.640.970.403</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>346.419.049.373</b>	<b>308.518.446.622</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>346.319.049.373</b>	<b>308.418.446.622</b>
Phải trả người bán	311	16	250.017.710.824	201.953.380.112
Người mua trả tiền trước	312		5.975.576.882	12.141.553.837
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	6.938.180.566	5.591.019.658
Phải trả người lao động	314		11.960.132.866	16.850.499.792
Chi phí phải trả	315	18	35.884.565.625	34.128.206.478
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.514.921.080	11.066.530.037
Vay ngắn hạn	320	20	20.357.796.120	20.698.633.290
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	10.670.165.410	5.988.623.418
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>358.090.817.256</b>	<b>387.122.523.781</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>358.090.817.256</b>	<b>387.122.523.781</b>
Vốn cổ phần	411	23	223.983.740.000	223.983.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	15.706.553.642	15.706.553.642
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.400.523.614	147.432.230.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.036.986.139	14.020.997.559
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		113.363.537.475	133.411.232.580
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>704.509.866.629</b>	<b>695.640.970.403</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Trần Thị Ai Liên  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phan Trọng Chinh  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>1.479.644.749.575</b>	<b>1.490.490.627.534</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>27</b>	<b>-</b>	<b>20.376.719.213</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>1.479.644.749.575</b>	<b>1.470.113.908.321</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>1.181.648.022.215</b>	<b>1.125.627.738.302</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>297.996.727.360</b>	<b>344.486.170.019</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	6.884.869.635	9.308.908.250
Chi phí tài chính	22	30	1.650.281.363	2.388.018.535
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>459.960.964</i>	<i>602.083.868</i>
Chi phí bán hàng	25	31	144.799.293.382	165.894.616.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	30.422.708.458	32.240.382.521
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>128.009.313.792</b>	<b>153.272.060.246</b>
Thu nhập khác	31		3.674.420.761	729.713.498
Chi phí khác	32		718.352.270	314.942.079
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.956.068.491</b>	<b>414.771.419</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>130.965.382.283</b>	<b>153.686.831.665</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>34</b>	<b>17.601.844.808</b>	<b>20.275.599.085</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>113.363.537.475</b>	<b>133.411.232.580</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND (Đã điều chỉnh lại)</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.061	5.599

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
Trần Thị Ái Liên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
  
Phan Trọng Chinh  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>130.965.382.283</b>	<b>153.686.831.665</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	21.533.949.320	20.964.660.247
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	96.380.017	(6.842.929)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.883.738.829)	(6.798.527.861)
Chi phí lãi vay	06	459.960.964	602.083.868
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>148.171.933.755</b>	<b>168.448.204.990</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(4.935.556.514)	(12.724.487.814)
Biến động hàng tồn kho	10	(2.872.376.549)	(94.269.893.711)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	33.183.573.141	30.512.905.159
Biến động chi phí trả trước	12	1.970.915.659	1.258.525.770
		<b>175.518.489.492</b>	<b>93.225.254.394</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(459.210.224)	(602.050.329)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.318.074.042)	(16.995.314.675)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.323.458.008)	(5.590.142.236)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>154.417.747.218</b>	<b>70.037.747.154</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13.064.529.970)	(9.565.978.451)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	222.727.273	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(116.475.000.000)	(59.600.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	106.800.000.000	37.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.624.240.108	6.816.851.971
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(17.892.562.589)</b>	<b>(24.549.126.480)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2021 VND	2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	94.026.533.820	128.120.561.610
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(94.316.027.250)	(116.823.559.800)
Tiền chi trả cổ tức	36	(134.388.591.000)	(53.755.436.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(134.678.084.430)</b>	<b>(42.458.434.590)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>1.847.100.199</b>	<b>3.030.186.084</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>39.563.916.661</b>	<b>36.532.947.546</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(189.493)</b>	<b>783.031</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>41.410.827.367</b>	<b>39.563.916.661</b>

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:

  
Trần Thị Ái Liên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
  
Phan Trọng Chinh  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho, nhà xưởng và văn phòng.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong vòng 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc của Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2021: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 555 nhân viên (1/1/2021: 592 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(f) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

#### **(g) Tài sản cố định vô hình**

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 8 đến 10 năm.

#### **(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**

##### **(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.



## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

#### **(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

#### **(j) Chi phí trả trước dài hạn**

##### **(i) Phí sử dụng hạ tầng**

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

##### **(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

#### **(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **(l) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu gia công**

Doanh thu gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm.



## **Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

### **(t) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

### **(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.





**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	253.038.315	825.376.325
Tiền gửi ngân hàng	8.157.789.052	13.738.540.336
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	25.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	41.410.827.367	39.563.916.661

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	94.975.000.000	85.300.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm dao động từ 3,1% đến 4,4% trong năm (2020: 3,1% đến 4,6% một năm).

**7. Phải thu của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là “Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce”)	20.741.955.740	13.306.881.061
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	17.823.678.600	-

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ	987.300.000	986.100.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	908.612.269	871.840.821
Tạm ứng	55.870.000	26.900.000
Phải thu khác	524.479.604	515.593.770
	<hr/>	<hr/>
	2.476.261.873	2.400.434.591
	<hr/>	<hr/>

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	7.084.182.360	6.967.192.940
Nguyên vật liệu	144.836.227.896	137.030.048.677
Công cụ và dụng cụ	449.859.560	450.049.440
Sản phẩm dở dang	4.058.318.917	2.111.388.897
Thành phẩm	45.364.035.105	52.361.567.335
	<hr/>	<hr/>
	201.792.623.838	198.920.247.289
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	227.562.463.142	144.698.839.858	10.958.053.136	1.898.374.212	385.117.730.348
Tăng trong năm	-	600.700.000	938.381.818	189.000.000	1.728.081.818
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	490.725.644	13.519.939.418	-	-	14.010.665.062
Thanh lý	-	-	(564.616.857)	-	(564.616.857)
Số dư cuối năm	228.053.188.786	158.819.479.276	11.331.818.097	2.087.374.212	400.291.860.371
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	40.217.076.421	87.670.603.775	6.915.911.517	1.001.688.043	135.805.279.756
Khấu hao trong năm	10.482.223.789	8.475.989.707	732.702.181	199.121.207	19.890.036.884
Thanh lý	-	-	(564.616.857)	-	(564.616.857)
Số dư cuối năm	50.699.300.210	96.146.593.482	7.083.996.841	1.200.809.250	155.130.699.783
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	187.345.386.721	57.028.236.083	4.042.141.619	896.686.169	249.312.450.592
Số dư cuối năm	177.353.888.576	62.672.885.794	4.247.821.256	886.564.962	245.161.160.588

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 60.735 triệu VND (1/1/2021: 57.589 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	549.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	67.958.323
Khấu hao trong năm	63.499.992
Số dư cuối năm	131.458.315
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	481.041.677
Số dư cuối năm	417.541.685

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Cơ sở hạ tầng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	21.758.233.867	2.227.790.541	23.986.024.408
Khấu hao trong năm	1.517.685.936	62.726.508	1.580.412.444
Số dư cuối năm	23.275.919.803	2.290.517.049	25.566.436.852
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	9.968.839.344	550.813.167	10.519.652.511
Số dư cuối năm	8.451.153.408	488.086.659	8.939.240.067

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.545 triệu VND (1/1/2021: 2.545 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định do không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản đầu tư tương tự ở cùng vị trí với bất động sản đầu tư của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	727.469.940
Tăng trong năm	13.489.800.122
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.010.665.062)
	206.605.000
Số dư cuối năm	206.605.000

**14. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ (“Rau quả Cần Thơ”) với số tiền là 716.390.400 VND. Công ty nắm giữ 6.600 cổ phần với mệnh giá là 100.000 VND/1 cổ phần, tương đương với 10,1% vốn điều lệ của Rau quả Cần Thơ. Tại thời điểm lập báo cáo này, Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và đã làm thủ tục giải thể công ty. Ban Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư này.

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Phí sử dụng hạ tầng VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	44.377.825.686	1.469.917.654	45.847.743.340
Tăng trong năm	-	382.775.000	382.775.000
Phân bổ trong năm	(1.128.249.804)	(1.225.440.855)	(2.353.690.659)
	43.249.575.882	627.251.799	43.876.827.681
Số dư cuối năm	43.249.575.882	627.251.799	43.876.827.681



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Phải trả người bán**

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	4.262.992.800	3.790.299.150
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	4.104.051.600	6.480.460.800

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế phải nộp Nhà Nước**

	1/1/2021 VND	Phát sinh VND	Nộp/Cán trừ VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	308.350.235	135.654.148.341	(135.452.644.902)	-	509.853.674
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	16.080.165.283	(16.335.052.182)	254.886.899	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.001.028.737	17.601.844.808	(17.318.074.042)	-	5.284.799.503
Thuế nhập khẩu	-	1.490.110.786	(1.557.437.851)	67.327.065	-
Thuế thu nhập cá nhân	272.193.552	1.690.513.694	(1.812.585.114)	-	150.122.132
Các loại thuế khác	9.447.134	2.178.078.021	(1.194.119.898)	-	993.405.257
	5.591.019.658	174.694.860.933	(173.669.913.989)	322.213.964	6.938.180.566

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khuyến mại và hỗ trợ bán hàng	30.325.901.365	23.500.969.258
Chi phí vận chuyển	3.940.678.195	3.939.831.518
Chi phí hoa hồng	162.242.200	2.702.861.432
Chi phí lãi vay	5.287.415	4.536.675
Chi phí khác	1.450.456.450	3.980.007.595
	<hr/>	<hr/>
	35.884.565.625	34.128.206.478
	<hr/>	<hr/>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả khác cho nhân viên	2.352.997.845	6.992.828.512
Nhận ký quỹ, ký cược	1.186.900.000	1.186.900.000
Kinh phí công đoàn	57.309.820	426.304.995
Cổ tức	7.283.930	5.630.930
Phải trả khác	910.429.485	2.454.865.600
	<hr/>	<hr/>
	4.514.921.080	11.066.530.037
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn	1/1/2021		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	20.698.633.290	20.698.633.290	94.026.533.820	20.357.796.120
			(94.316.027.250)	20.357.796.120
			(51.343.740)	20.357.796.120
				20.357.796.120

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
	USD	2,0%	20.357.796.120	20.698.633.290

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có khoản vay nào quá hạn bao gồm cả gốc và lãi.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động trong năm của quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	5.988.623.418	9.756.765.654
Trích lập trong năm	8.005.000.000	1.822.000.000
Sử dụng trong năm	(3.323.458.008)	(5.590.142.236)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	10.670.165.410	5.988.623.418

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	69.599.095.159	309.289.388.801
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	133.411.232.580	133.411.232.580
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(53.756.097.600)	(53.756.097.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.822.000.000)	(1.822.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	147.432.230.139	387.122.523.781
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	113.363.537.475	113.363.537.475
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(134.390.244.000)	(134.390.244.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(8.005.000.000)	(8.005.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021</b>	223.983.740.000	15.706.553.642	118.400.523.614	358.090.817.256



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
<b>Vốn cổ phần và số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

### **24. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2021 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 134.390 triệu VND (2020: 53.756 triệu VND).

### **25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	2.476.700.745	2.789.574.341
Từ 2 đến 5 năm	9.042.802.980	9.109.305.764
Từ 5 năm trở lên	56.461.047.737	59.006.115.961
	<hr/>	<hr/>
	67.980.551.462	70.904.996.066
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9.873	223.531.965	25.981	598.474.408
EUR	212	5.396.669	223	6.242.076
		<hr/>		<hr/>
		228.928.634		604.716.484
		<hr/>		<hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.619.605.700	6.172.988.387
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.424.230.428.929	1.436.833.947.465
▪ Dịch vụ gia công	35.491.551.290	42.475.360.980
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	6.738.233.420	7.220.493.129
▪ Doanh thu khác	13.184.535.936	3.960.825.960
	<hr/>	<hr/>
	1.479.644.749.575	1.490.490.627.534
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	16.788.211.850
▪ Chiết khấu thương mại	-	3.588.507.363
	<hr/>	<hr/>
	-	20.376.719.213
	<hr/>	<hr/>
	1.479.644.749.575	1.470.113.908.321
	<hr/>	<hr/>

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng đã bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	1.142.208.152.261	1.087.031.483.227
▪ Giá vốn gia công	25.505.164.836	34.255.374.955
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	4.640.371.167	2.139.684.090
▪ Giá vốn khác	9.294.333.951	2.201.196.030
	<hr/>	<hr/>
	1.181.648.022.215	1.125.627.738.302
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Lãi tiền gửi	4.661.011.556	6.798.527.861
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.223.858.079	2.510.380.389
	<hr/>	<hr/>
	6.884.869.635	9.308.908.250

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí lãi vay	459.960.964	602.083.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.190.320.399	1.785.934.667
	<hr/>	<hr/>
	1.650.281.363	2.388.018.535

**31. Chi phí bán hàng**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	66.752.753.051	63.877.767.013
Chi phí vận chuyển	40.556.785.007	37.557.874.482
Chi phí nhân viên	30.960.545.546	27.828.995.614
Chi phí khuyến mại	1.357.737.082	26.832.797.728
Chi phí vật liệu, bao bì	1.954.389.310	3.637.898.235
Chi phí khấu hao	360.360.037	384.699.372
Chi phí khác	2.856.723.349	5.774.584.523
	<hr/>	<hr/>
	144.799.293.382	165.894.616.967

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	11.433.176.098	11.767.217.235
Chi phí khấu hao	3.840.315.524	3.736.962.449
Thuế, phí và lệ phí	3.628.365.937	3.532.727.459
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.795.588.804	1.672.935.634
Chi phí khác	9.725.262.095	11.530.539.744
	30.422.708.458	32.240.382.521

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	1.068.096.442.291	1.057.792.185.815
Chi phí nhân công và nhân viên	67.738.933.719	69.532.705.450
Chi phí khấu hao	21.533.949.320	20.964.660.247
Chi phí khác	199.500.698.725	175.473.186.278
	1.356.870.024.055	1.323.762.737.790

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Năm hiện hành	17.284.402.603	20.275.599.085
Dự phòng thiếu trong những năm trước	317.442.205	-
	17.601.844.808	20.275.599.085



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	130.965.382.283	153.686.831.665
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	26.193.076.457	30.737.366.333
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(8.048.710.419)	(11.039.817.993)
Chênh lệch tạm thời khác	(881.402.435)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.439.000	578.050.745
Dự phòng thiếu trong những năm trước	317.442.205	-
	17.601.844.808	20.275.599.085

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Ngoài ra, Công ty có dự án đầu tư mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần thu nhập chịu thuế tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế (2018 - 2019); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2020 - 2023).

**(d) Các khoản thuế dự phòng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và mức ảnh hưởng đến báo cáo tài chính có thể là đáng kể.



**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 113.364 triệu VND (2020: 125.406 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 22.398.374 cổ phiếu (2020: 22.398.374 cổ phiếu), chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND (Đã điều chỉnh lại) (*)</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	113.363.537.475	125.406.232.580

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2021</b>	<b>2020</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	22.398.374	22.398.374

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND (Đã điều chỉnh lại) (*)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.061	5.599

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ thực tế vào quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được các cổ đông thông qua tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên vào ngày 23 tháng 4 năm 2021.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có khả năng suy giảm. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2021</b>	<b>2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty mẹ</i>		
<b>Công ty TNHH Masan HPC</b> Cổ tức công bố	70.221.780.000	28.088.712.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
<b>Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam</b> Mua hàng hóa	32.626.163.000	40.184.383.400
<b>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam</b> Mua hàng hóa	30.284.852.900	24.931.840.350
<b>Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan</b> Bán thành phẩm	167.248.576.001	89.342.882.619
<b>Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</b> Cổ tức công bố	48.386.988.000	19.354.795.200
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là “Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng Hợp Vincommerce”)</b> Bán thành phẩm	38.050.355.207	55.729.211.528
<b>Công ty TNHH MEATDeli HN (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam”)</b> Bán thành phẩm	49.314.490	-
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b> Thù lao	1.131.276.000	898.768.400

**Công ty Cổ phần Bột giặt NET****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>2021 VND</b>	<b>2020 VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch	-	-
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên	48.000.000	57.000.000
Bà Thái Thị Hồng Yến	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	-	-
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Phạm Quang Hòa	Thành viên	-	-
	(đến ngày 24 tháng 9 năm 2020)	-	32.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	-	-
	(đến ngày 24 tháng 9 năm 2020)	-	32.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>			
Bà Thái Thị Hồng Yến	Tổng Giám đốc	-	-
	(đến ngày 17 tháng 1 năm 2022)	987.276.000	681.768.400

**37. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Trần Thị Ái Liên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Phan Trọng Chinh  
Tổng Giám đốc



